

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25-9-2024
“Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Xuyên.

2. Ông Thái Quang Định.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc T; địa chỉ cư trú: tổ 3, khu 3, phường S, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quý D; địa chỉ cư trú: tổ 3, khu 3, phường S, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

3. Người làm chứng: Bà Đỗ Thị Th; địa chỉ cư trú: tổ 3, khu 3, phường S, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc T và anh Nguyễn Quý D tự nguyện kết hôn tại UBND phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh vào năm 2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sống tại khu 3, phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, đến năm 2016 thì chuyển về sinh sống tại tổ 3, khu 3, phường S, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng chị cũng đã được gia đình hai bên động viên, hoà giải nhưng không có kết quả.

Từ ngày 01/9/2023 anh D bỏ nhà đi, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay; khi ly thân chị cùng các con về sinh sống tại xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh còn anh D sinh sống và làm công việc gì, tại đâu chị không nắm được. Việc chị làm đơn ly hôn với anh D tại Toà án, chị cũng đã thông báo cho anh D biết. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quý D.

- Về con chung: quá trình chung sống giữa chị T và anh D có 02 con chung tên là Nguyễn Lê Diệu T1, sinh ngày 02/12/2003 và Nguyễn Danh C, sinh ngày 09/01/2009. Vì con Nguyễn Lê Diệu T1 đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Nay ly hôn chị nhận nuôi con Nguyễn Danh C đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con.

Chị T trình bày, hiện nay chị đang dạy học tại Trường Mầm non S, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, thu nhập trung bình khoảng 16 triệu đồng/ 1 tháng. Chị T cam đoan đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn anh Nguyễn Quý D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần lên Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh D không đến làm việc.**

*** Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng: bà Đỗ Thị Th trình bày:** Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Quý D, từ khi anh Nguyễn Quý D và chị Lê Thị Ngọc T kết hôn thì sinh sống cùng với bà. Anh D kết hôn với chị T vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh D và chị T sinh sống tại khu 3, phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2016 thì chuyển ra sinh sống tại tổ 3, khu 3, phường S, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống giữa anh D và chị T có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D chơi bời, cờ bạc nhưng việc đó không ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, không phải là nguyên nhân dẫn đến việc anh D và chị T ly thân. Bà Th cho biết do anh D phát hiện chị T có mối quan hệ tình cảm nam nữ bên ngoài nên dẫn đến việc vợ chồng cãi mắng, chửi bới, xúc phạm, đánh đập nhau. Từ tháng 9 năm 2023, anh D và chị T đã sống ly thân nhau, khi ly thân mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau. Về con chung: anh D và chị T có 02 con chung tên là Nguyễn Lê Diệu T1, sinh năm 2003 và Nguyễn Danh C, sinh năm 2009. Khi vợ chồng sống ly thân thì cháu T1 và cháu C ở cùng với chị T. Về tài sản chung và nợ chung của anh D và chị T, bà Th không nắm được. Việc chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh D và nhận nuôi dưỡng con chung Nguyễn Danh C cho đến khi thành niên, quan điểm của bà Th là không đồng ý cho anh D và chị T ly hôn với nhau vì không muốn con cháu phải khổ, nếu chị T muốn ly hôn với anh D thì phải có buổi gặp mặt hai bên gia đình nội, ngoại. Ngoài ra bà Th cũng cho biết các văn bản, giấy tờ, tài liệu mà Tòa án giao cho anh D, bà nhận thay và đã thông báo trực tiếp đến anh D, còn việc anh D có đến Tòa án giải quyết hay không thì bà không nắm được, anh D có nói với bà về việc anh D sẽ không đến Tòa án để giải quyết.

* Tòa án tiến hành lấy lời khai của con trên bảy tuổi của chị T và anh D là cháu Nguyễn Danh C. Khi được hỏi ý kiến, cháu C trình bày: nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ vì mẹ quan tâm và chăm sóc cháu tốt hơn.

* Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, ông Phạm Đình K – Trưởng khu 3, phường S, thành phố Uông Bí cho biết: Chị Lê Thị Ngọc T và anh Nguyễn Quý D cùng bố mẹ anh D là người từ địa phương khác chuyển đến sinh sống tại tổ 3, khu 3, phường S, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh vào năm 2016. Qua quá trình sinh sống, chính quyền địa phương biết được chị T và anh D là vợ chồng hợp pháp (có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố Uông Bí trên cơ sở tự nguyện). Cuộc sống chung của vợ chồng anh D, chị T từ khi chuyển về sinh sống tại địa phương, thời gian đầu hoà thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn nên thường xảy ra cãi vã, chửi bới, xúc phạm nhau. Về mâu thuẫn của vợ chồng anh D, chị T, chính quyền địa phương không nắm được vì hai bên không thông qua hoà giải tại cơ sở. Ngoài ra ông K cũng cho biết hiện nay chị T và các con đã chuyển ra ngoài sinh sống không còn ở cùng bố mẹ anh D nữa, còn anh D làm công nhân trong Vàng Danh và ở tại nhà tập thể trong đó, thỉnh thoảng cuối tuần về thăm mẹ. Về con chung: chị T và anh D có 02 con chung là Nguyễn Lê Diệu T1, sinh năm 2003 và Nguyễn Danh C, sinh năm 2009, hiện nay cả hai con chung đang ở cùng với chị T. Việc chị T yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh D và đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Danh C, quan điểm của ông K: đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã không chấp hành và không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giải quyết cho chị Lê Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Quý D; giao con chung tên là Nguyễn Danh C, sinh ngày 09/01/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh D không phải cấp dưỡng cho con; về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc T thì đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, anh Nguyễn Quý D có đăng ký thường trú tại tổ 3, khu 3, phường S, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt đương sự: trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Quý D được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt (không có lý do) và không có đơn xin xét xử vắng mặt; nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Ngọc T và anh Nguyễn Quý D tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa chị T và anh D có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, chửi bới, xúc phạm nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2023 cho đến nay, cả hai không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc.

Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn giữa chị T và anh D là có thật, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] *Về con chung:*

Chị Lê Thị Ngọc T và anh Nguyễn Quý D có hai con chung là cháu Nguyễn Lê Diệu T1, sinh ngày 02/12/2003 và Nguyễn Danh C, sinh ngày 09/01/2009. Cháu T1 hiện đã trưởng thành nên chị T không đề nghị giải quyết; chị nhận nuôi dưỡng con chung Nguyễn Danh C đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con.

Xét thấy, kể từ khi vợ chồng sống ly thân, hai con chung ở cùng với chị T, được chị T chăm sóc chu đáo; mặt khác khi được hỏi ý kiến của con chung trên bảy tuổi, cháu C có nguyện vọng ở với chị T. Do đó, cần giao cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Danh C đến tuổi thành niên, anh D không phải cấp dưỡng cho con là phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định của pháp luật.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Lê Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí:* Chị Lê Thị Ngọc T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc T được ly hôn anh Nguyễn Quý D.

2. Về con chung: giao cho chị Lê Thị Ngọc T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Nguyễn Danh C, sinh ngày 09/01/2009, kể từ ngày xét xử (ngày 25/9/2024) cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Quý D không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Quý D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Chị Lê Thị Ngọc T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Quý D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002649 ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Uông Bí;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH (UBND phường V, TP Uông Bí);
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Thịnh